



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên của Polaris International

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN TÂY NGUYÊN**

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét	4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 22

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện IaĐrăng 1 trực thuộc Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 1188/QĐ ngày 23 tháng 09 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000046 ngày 12 tháng 11 năm 2004. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07/06/2011 với số mới là 5900328272. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 119/QĐ-SGDHCM ngày 01/10/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán TIC. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 01/10/2009.

Vốn điều lệ: 246.569.880.000 đồng

Vốn góp thực tế đến 30/06/2011: 246.569.880.000 đồng, trong đó vốn góp của Công ty Điện Gia Lai chiếm tỷ lệ 54%.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 114 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại: (84) 059 3784113 - 2222170
- Fax: (84) 059 3748113
- Email: ctcptic@yahoo.com
- Website: www.ticcom.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất điện năng, kinh doanh bán điện;
- Xây dựng nhà các loại;
- Trồng cây cao su;
- Xây dựng các công trình thủy lợi;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp từ 35KV trở xuống;
- Đầu tư, xây dựng các công trình vừa và nhỏ;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Mua bán hàng nông sản (trừ mủ cao su);
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Chế biến hàng nông sản (trừ mủ cao su);
- Kinh doanh dịch vụ thiết bị kỹ thuật điện;
- Mua bán bất động sản;

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất sản phẩm cao su;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch nội địa.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến 30/06/2011 là 4 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập các Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|------------|--|
| • Ông Tân Xuân Hiến | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 18/06/2010
Miễn nhiệm ngày 06/05/2011 |
| • Ông Phan Thanh Lạc | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 06/05/2011 |
| • Ông Huỳnh Đoan | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18/06/2010 |
| • Ông Nguyễn Quang Vinh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18/06/2010
Miễn nhiệm ngày 29/04/2011 |
| • Ông Nguyễn Văn Giang | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18/06/2010 |
| • Ông Đinh Văn Hiệp | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29/04/2011 |
| • Ông Tân Xuân Hiến | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 06/05/2011 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Trần Thị Phương | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 18/06/2010 |
| • Ông Nguyễn Xuân Thanh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18/06/2010 |
| • Ông Trương Văn Lân | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18/06/2010 |

Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Huỳnh Đoan | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15/08/2006 |
| • Bà Đặng Nguyễn Thị Kim Loan | Phụ trách kế toán | Bổ nhiệm ngày 21/11/2010 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

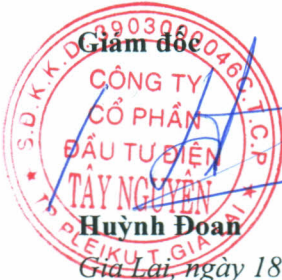
Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

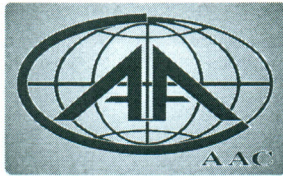
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.



Gia Lai, ngày 18 tháng 07 năm 2011

0010
ÔNG
N.1
M'
KẾ
KHÊ



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 988 /BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 08 năm 2011

BÁO CÁO SOÁT XÉT

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên**

Chúng tôi đã soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011 được lập ngày 18/07/2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 22. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã tiến hành công tác soát xét các báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng các Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Trọng Hiếu
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số 0391/KTV

Trần Thị Nở
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1135/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.925.498.256	17.134.338.440
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		558.737.738	60.529.436
1. Tiền	111	5	155.931.201	60.529.436
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	402.806.537	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.229.768.334	16.935.826.258
1. Phải thu khách hàng	131		-	111.745.789
2. Các khoản phải thu khác	135	7	4.229.768.334	16.824.080.469
IV. Hàng tồn kho	140		1.005.823	699.000
1. Hàng tồn kho	141	8	1.005.823	699.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		135.986.361	137.283.746
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.261.604
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	964.219	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	135.022.142	135.022.142
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		232.926.441.936	235.979.902.824
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.182.032.949	2.369.010.863
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.182.032.949	2.369.010.863
- Nguyên giá	222		4.890.381.007	4.890.381.007
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.708.348.058)	(2.521.370.144)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		221.823.074.833	224.274.636.707
1. Đầu tư dài hạn khác	258	12	221.823.074.833	224.274.636.707
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		8.921.334.154	9.336.255.254
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		8.921.334.154	9.336.255.254
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		237.851.940.192	253.114.241.264

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		784.982.638	662.094.342
I. Nợ ngắn hạn	310		784.982.638	662.094.342
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	28.313.056	17.411.736
2. Chi phí phải trả	316	14	15.000.000	-
3. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	741.477.662	569.490.686
4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		191.920	75.191.920
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		237.066.957.554	252.452.146.922
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	237.066.957.554	252.452.146.922
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	246.569.880.000	246.569.880.000
2. Cổ phiếu quỹ	414	16	(16.559.652.450)	(10.441.020.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	16	2.927.719.388	2.296.217.209
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	16	4.129.010.616	14.027.069.713
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		237.851.940.192	253.114.241.264



Huỳnh Đoan

Gia Lai, ngày 18 tháng 07 năm 2011

Phụ trách kế toán

Đặng Nguyễn Thị Kim Loan

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	17	722.468.888	856.773.570
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	17	722.468.888	856.773.570
4. Giá vốn hàng bán	11	18	416.743.999	378.419.179
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		305.724.889	478.354.391
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	3.150.581.386	2.207.004.205
7. Chi phí tài chính	22	20	414.921.100	391.728.131
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		414.921.100	391.728.131
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		438.454.081	273.930.016
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.602.931.094	2.019.700.449
11. Thu nhập khác	31		1.079.488	2.869.750
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		1.079.488	2.869.750
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	21	2.604.010.582	2.022.570.199
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	21	2.604.010.582	2.022.570.199
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	110	126



Huỳnh Đoàn

Gia Lai, ngày 18 tháng 07 năm 2011

Phụ trách kế toán

Đặng Nguyễn Thị Kim Loan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	902.871.298	937.024.660
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(513.375.177)	(681.673.886)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(156.398.387)	(107.131.094)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(5.646.927)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	351.245.671	3.266.991.887
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(203.452.937)	(5.586.324.223)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	380.890.468	(2.176.759.583)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(75.000.000)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.451.561.874	1.448.779.146
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.478.506.317	11.808.828.207
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	17.930.068.191	13.182.607.353
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	(5.956.635.457)	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	500.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(500.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.856.114.900)	(11.355.712.190)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(17.812.750.357)	(11.355.712.190)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	498.208.302	(349.864.420)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	60.529.436	398.955.614
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	558.737.738	49.091.194

04/01/2011
CÓ TÀI
T. N
KẾ
KHẾ



Gia Lai, ngày 18 tháng 07 năm 2011

Phụ trách kế toán

Đặng Nguyễn Thị Kim Loan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện IaĐrăng 1 trực thuộc Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 1188/QĐ ngày 23 tháng 09 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000046 ngày 12 tháng 11 năm 2004. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07/06/2011 với số mới là 5900328272. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 119/QĐ-SGDHCM ngày 01/10/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán TIC. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 01/10/2009.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất điện năng, kinh doanh bán điện;
- Xây dựng nhà các loại;
- Trồng cây cao su;
- Xây dựng các công trình thủy lợi;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp từ 35KV trở xuống;
- Đầu tư, xây dựng các công trình vừa và nhỏ;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Mua bán hàng nông sản (trừ mủ cao su);
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Chế biến hàng nông sản (trừ mủ cao su);
- Kinh doanh dịch vụ thiết bị kỹ thuật điện;
- Mua bán bất động sản;
- Sản xuất sản phẩm cao su;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch nội địa.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

10100/
VG T
.H.F
TOA
TOAI
TP. Đ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.6 Tài sản cố định hữu hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 24
Máy móc, thiết bị	6 – 8
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	6

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.10 Chi phí vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.11 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.12 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.14 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với điện thương phẩm.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%. Ngoài ra, Công ty được hưởng ưu đãi đối với dự án đầu tư Thủy điện IaĐrăng 1 như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

- Được hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Dự án Thủy điện IaĐrăng 1 đi vào hoạt động năm 2002, do vậy Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% từ năm 2002 đến năm 2016.
- Được miễn thuế 4 năm kể từ khi Dự án Thủy điện IaĐrăng 1 có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Năm 2002 là năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế, theo đó Dự án được miễn thuế trong 4 năm (2002 - 2005) và được giảm 50% trong 09 năm tiếp theo (2006 - 2014).

Những ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định tại Nghị định 24/2007/NĐ-CP ngày 14/2/2007 của Chính phủ.

- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	3.859.274	633.893
Tiền gửi ngân hàng	152.071.927	59.895.543
Cộng	155.931.201	60.529.436

6. Các khoản tương đương tiền

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền gửi kỳ hạn 1 tuần	402.806.537	-
Cộng	402.806.537	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Các khoản phải thu khác

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (lãi liên doanh)	4.225.573.096	16.553.493.260
Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê (lãi liên doanh)	-	270.000.000
Phải thu khác	4.195.238	587.209
Cộng	4.229.768.334	16.824.080.469

8. Hàng tồn kho

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.005.823	699.000
Cộng	1.005.823	699.000

9. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế TNDN nộp thừa	964.219	-
Cộng	964.219	-

10. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Tạm ứng	135.022.142	135.022.142
Cộng	135.022.142	135.022.142

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.156.756.835	1.584.426.368	151.042.632	1.998.155.172	4.890.381.007
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.156.756.835	1.584.426.368	151.042.632	1.998.155.172	4.890.381.007
Khấu hao					
Số đầu năm	458.119.467	1.136.083.175	133.734.240	793.433.262	2.521.370.144
Khấu hao trong kỳ	27.141.058	100.749.294	11.538.932	47.548.630	186.977.914
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	485.260.525	1.236.832.469	145.273.172	840.981.892	2.708.348.058
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	698.637.368	448.343.193	17.308.392	1.204.721.910	2.369.010.863
Số cuối kỳ	671.496.310	347.593.899	5.769.460	1.157.173.280	2.182.032.949

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2011 là 12.575.460 đồng.

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty Cổ phần Ayun Thượng	226.800.000	226.800.000
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (GEC)	216.285.744.930	218.662.836.707
- Góp vốn liên doanh Công trình TĐ IaĐrăng 3 & IaMeur 3	12.671.117.412	13.031.514.519
- Góp vốn liên doanh Công trình thủy điện H'Chan	32.366.454.780	32.366.454.780
- Góp vốn liên doanh Công trình thủy điện ĐăkPiHao 2	59.999.535.462	61.290.147.893
- Góp vốn liên doanh Công trình thủy điện IaPuch 3	43.689.404.937	44.415.487.176
- Góp vốn liên doanh Công trình thủy điện H'Mun	67.559.232.339	67.559.232.339
Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê	2.700.000.000	2.700.000.000
Công ty TNHH MTV Cao su Chư Prông	2.610.529.903	2.685.000.000
Cộng	221.823.074.833	224.274.636.707

- Góp vốn vào Công ty Cổ phần Ayun Thượng theo Hợp đồng hợp tác liên doanh góp vốn đầu tư xây dựng thủy điện, công trình Nhà máy Thủy điện Ayun Thượng 1A, số 05/2006/CTĐ – CTCP ngày 7/6/2006 và Biên bản thỏa thuận thay đổi tỷ lệ góp vốn giữa Công ty Cổ phần Điện Gia Lai với Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên trong liên doanh xây dựng thủy điện Ayun Thượng 1A ngày 16/5/2008. Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên góp 5% Vốn điều lệ. Công trình Thủy điện Ayun Thượng 1A đang trong giai đoạn đầu tư. Đến ngày 03/12/2010, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 08/2010-NQ/HĐQT, Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên sẽ thu hồi vốn góp đầu tư dự án công trình Nhà máy Thủy điện Ayun Thượng 1A.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

- Góp vốn liên doanh với GEC đầu tư xây dựng thủy điện, công trình Nhà máy Thủy điện IaĐrăng 3 và Nhà máy Thủy điện IaMuer 3 theo Hợp đồng kinh tế liên doanh đầu tư xây dựng thủy điện số 01/2005/CTĐ-CTCP ngày 01/04/2005. Tổng vốn đầu tư của Dự án là 44 tỷ. Công trình hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2007.
- Góp vốn liên doanh với GEC đầu tư xây dựng thủy điện, công trình Nhà máy Thủy điện H'Chan theo Hợp đồng kinh tế liên doanh góp vốn đầu tư xây dựng thủy điện số 02/2005/CTĐ-CTCP ngày 10/11/2005. Công trình hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2007.
- Góp vốn liên doanh với GEC đầu tư xây dựng thủy điện, công trình Nhà máy Thủy điện ĐăkPiHao 2 theo Hợp đồng kinh tế liên doanh góp vốn đầu tư xây dựng thủy điện số 02/2006/CTĐGL-CTCP ngày 02/06/2006. Công trình hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2008.
- Góp vốn liên doanh với GEC đầu tư xây dựng thủy điện, công trình Nhà máy Thủy điện IaPuch 3 theo Hợp đồng kinh tế liên doanh góp vốn đầu tư xây dựng thủy điện số 03/2006/CTĐGL-CTCP ngày 02/06/2006. Công trình hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2009.
- Góp vốn liên doanh với GEC đầu tư xây dựng thủy điện, công trình Thủy điện H'Mun theo Hợp đồng kinh tế liên doanh góp vốn đầu tư xây dựng thủy điện số 04/2009/HĐLD ngày 24/08/2009. Công trình hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2010.
- Góp vốn vào Công ty TNHH MTV Cao su Chur Sê theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 95/HĐGVĐT ngày 17/8/2006 để thực hiện Dự án công trình Thủy điện ĐăkPiHao 2 và IaPuch 3 của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai. Tổng số vốn góp theo Hợp đồng là 3.000.000.000 đồng. Dự án Công trình thủy điện ĐăkPiHao 2 đi vào hoạt động năm 2008 và IaPuch 3 đi vào hoạt động năm 2009.
- Góp vốn vào Công ty TNHH MTV Cao su Chur Prông theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 79/2007/HĐGVĐT ngày 10/8/2007 để thực hiện Dự án công trình thủy điện ĐăkPiHao 2 và IaPuch 3 của công ty Cổ phần Điện Gia Lai. Tổng số vốn Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên góp theo Hợp đồng là 3.000.000.000 đồng. Dự án Công trình thủy điện ĐăkPiHao 2 đi vào hoạt động năm 2008 và IaPuch 3 đi vào hoạt động năm 2009.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	11.036.520	-
Thuế thu nhập cá nhân	10.277.096	13.155.042
Thuế tài nguyên	6.999.440	4.256.694
Cộng	28.313.056	17.411.736

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Chi phí phải trả

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí chốt danh sách cổ đông	15.000.000	-
Cộng	15.000.000	-

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Kinh phí công đoàn	11.134.336	12.255.192
Bảo hiểm xã hội	828.481	348.943
Cổ tức phải trả	40.006.591	25.553.991
Công ty Cổ phần phát triển Năng Lượng	486.132.198	500.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia	161.996.993	-
Phải trả trái chủ lãi trái phiếu	3.132.560	3.132.560
Phải trả khác	38.246.503	28.200.000
Cộng	741.477.662	569.490.686

16. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2010	165.826.000.000	(9.630.720.000)	5.828.415.468	11.353.775.043
Tăng trong năm	80.743.880.000	(810.300.000)	1.294.681.741	15.314.490.765
Giảm trong năm	-	-	4.826.880.000	12.641.196.095
Số dư tại 31/12/2010	246.569.880.000	(10.441.020.000)	2.296.217.209	14.027.069.713
Số dư tại 01/01/2011	246.569.880.000	(10.441.020.000)	2.296.217.209	14.027.069.713
Tăng trong kỳ	-	(6.118.632.450)	631.502.179	2.604.010.582
Giảm trong kỳ	-	-	-	12.502.069.679
Số dư tại 30/06/2011	246.569.880.000	(16.559.652.450)	2.927.719.388	4.129.010.616

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Vốn góp của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	133.132.540.000	133.132.540.000
Vốn góp của Cổ đông khác	101.249.610.000	107.823.010.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	12.187.730.000	5.614.330.000
Cộng	246.569.880.000	246.569.880.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2011 Cổ phiếu	31/12/2010 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	24.656.988	24.656.988
- Cổ phiếu thường	24.656.988	24.656.988
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	1.218.773	561.433
- Cổ phiếu thường	1.218.773	561.433
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.438.215	24.095.555
- Cổ phiếu thường	23.438.215	24.095.555
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	14.027.069.713	11.353.775.043
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.604.010.582	15.314.490.765
Phân phối lợi nhuận	12.502.069.679	12.641.196.095
Phân phối lợi nhuận năm trước	11.870.567.500	11.353.775.043
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	83.833.143
+ Trả cổ tức cho các cổ đông	11.870.567.500	11.269.941.900
Phân phối lợi nhuận năm nay	631.502.179	1.287.421.052
+ Thuế TNDN bổ sung quỹ đầu tư phát triển	631.502.179	1.210.848.598
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	76.572.454
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.129.010.616	14.027.069.713

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp của năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29/04/2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Lãi liên doanh đầu tư thủy điện Iađrăng3, Iameur3, ĐăkPiHao 2 và Iapuch 3 được chia trong 6 tháng đầu năm 2011 là 2.971.668.112 đồng, trong đó phần thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm từ dự án mang lại 631.502.179 đồng. Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn từ các hoạt động liên doanh này được bổ sung Quỹ đầu tư phát triển.

17. Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Tổng doanh thu	722.468.888	856.773.570
+ Doanh thu bán điện thương phẩm	722.468.888	856.773.570
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	722.468.888	856.773.570

18. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Giá vốn điện thương phẩm	416.743.999	378.419.179
Cộng	416.743.999	378.419.179

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.945.973	48.995.620
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.140.635.413	2.158.008.585
- Lãi liên doanh Công trình TĐ IaĐrăng 3 & IaMeur 3	586.805.364	364.184.793
- Lãi liên doanh Công trình thủy điện H'Chan	-	-
- Lãi liên doanh Công trình thủy điện ĐăkPiHao 2	1.540.670.471	711.253.721
- Lãi liên doanh Công trình thủy điện Iapuch 3	844.192.277	1.082.570.071
- Lãi liên doanh Công trình thủy điện H'Mun	-	-
- Lãi GV LD với Cty TNHH MTV Cao su Chư Sê, Chư Prông	168.967.301	-
Cộng	3.150.581.386	2.207.004.205

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

20. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Chi phí lãi vay	414.921.100	391.728.131
Cộng	414.921.100	391.728.131

21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.604.010.582	2.022.570.199
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(2.983.395.517)	(2.121.708.585)
Điều chỉnh tăng	157.239.896	36.300.000
+ Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	113.400.000	36.300.000
+ Chi phí quản lý, đăng ký giao dịch chứng khoán	15.000.000	-
+ Lãi chậm góp vốn GHC	28.839.896	-
Điều chỉnh giảm	3.140.635.413	2.158.008.585
+ Lãi liên doanh được chia	3.140.635.413	2.158.008.585
Tổng thu nhập chịu thuế	(379.384.935)	(99.138.386)
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện	(4.329.192)	240.724.375
+ Thu nhập từ hoạt động cung cấp dịch vụ và lãi tiền gửi	(376.135.231)	(339.862.761)
+ Thu nhập từ hoạt động khác	1.079.488	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện	-	-
+ Thu nhập từ hoạt động cung cấp dịch vụ và lãi tiền gửi	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện	-	-
+ Thu nhập từ hoạt động cung cấp dịch vụ và lãi tiền gửi	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.604.010.582	2.022.570.199

140010
ÔNG
N.H
M.T
Ế.T

TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.604.010.582	2.022.570.199
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	2.604.010.582	2.022.570.199
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	23.722.450	16.099.917
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	110	126

23. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**a. Các bên liên quan**

Tên công ty	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng	Chung Công ty mẹ

b. Nghiệp vụ với các bên có liên quan

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai		
Doanh thu, thu nhập tài chính		
+ Doanh thu bán điện thương phẩm	719.205.008	853.120.510
+ Lãi liên doanh được chia	2.971.668.112	2.158.008.585
Mua hàng hóa dịch vụ		
+ Thuê nhân công vận hành	124.625.250	161.996.100
Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng	72.704.378	
+ Trả lãi liên doanh	58.836.576	-
+ Khấu hao	13.867.802	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Số dư với các bên có liên quan

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai		
Phải thu khách hàng (bán điện thương phẩm)	-	111.745.789
Phải thu khác (lãi liên doanh được chia)	4.225.573.096	16.553.493.260
Đầu tư dài hạn khác (góp vốn liên doanh)	216.285.744.930	218.662.836.707
Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng		
Phải trả, phải nộp khác	486.132.198	500.000.000

24. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

25. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010, các Báo cáo này đã được soát xét và kiểm toán bởi AAC.



Gia Lai, ngày 18 tháng 07 năm 2011

Phụ trách kế toán
Đặng Nguyễn Thị Kim Loan